TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 3 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Tân và bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Quyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ang Bùi Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11 tháng 9 năm 2022, đơn bổ sung khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07-3-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh T tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vợ chông sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác mặc dù anh T đã tha thứ nhưng chị H không thay đổi, từ đó vợ chồng mất mát tình cảm, hai người đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, Anh xét thấy vợ chồng không còn tình cảm,

mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H có quan hệ với người khác có hai con nhưng đăng ký khai sinh mang tên họ của Anh, đó là Bùi Nguyễn Việt H, sinh ngày 19-12-2015 và Bùi Nguyễn Kim T, sinh ngày 26-11-2018, hiện đang sống cùng chị H. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của Anh giao cả hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do hiện tại Anh chưa có công việc, thu nhập ổn định nên chưa cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng Anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 18 tháng 10 năm 2022, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07-3-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh T tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, suy nghĩ không hợp, mâu thuẫn về tình cảm trong gia đình, đặc biệt nhiều lần anh T đi nhậu, cờ bạc không về nhà, có lần về nhà thì gây gỗ với Chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2014 đến nay; anh T xin ly hôn Chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Quá trình vợ sống ly thân, Chị đã có hai con nhưng không phải là con của vợ chồng, nhưng Chị khai sinh mang họ anh T, đó là Bùi Nguyễn Việt H, sinh ngày 19-12-2015 và Bùi Nguyễn Kim T, sinh ngày 26-11-2018, hiện đang sống cùng chị H. Chị có nguyện vọng giám định ADN của hai con để giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 35, 39, 48, 49, 63, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Bùi Văn T, xử cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84, 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận hai con Bùi Nguyễn Việt H và Bùi Nguyễn Kim T là con chung của anh T và chị H; xử giao hai con Bùi Nguyễn Việt H và Bùi Nguyễn Kim T cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H có địa chỉ thôn P, xã G, huyện Q và giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Bùi Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Nguyễn Thị H được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp. Do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; anh T ham chơi bạn bè, chị H có quan hệ người khác dẫn đến vợ chồng mất mát tình cảm. Hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay; cả anh T và chị H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm và thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn T.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị H đã có hai đứa con với người khác, chị H yêu cầu giám định ADN nhưng không phối hợp với anh T và Toà án để giải quyết. Toà án đã ra Thông báo cho chị H, anh T giao nộp chứng cứ, tài liệu nhưng anh T, chị H không nộp; theo Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng, trường hợp cha mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Toà án xác định". Do đó, có cơ sở xác định hai cháu Bùi Nguyễn Việt H, sinh ngày 19-12-2015 và Bùi Nguyễn Kim T, sinh ngày 26-11-2018 là con chung của anh T và chị H. HĐXX xét thấy, cần giao cả hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hiện tại anh T chưa có công việc và thu nhập ổn định tạm thời không buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Văn Tg và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử cho ly hôn giữa anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84 và Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao con Bùi Nguyễn Việt H, sinh ngày 19-12-2015 và Bùi Nguyễn Kim T, sinh ngày 26-11-2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm thời không buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền án phí ly hôn anh T phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Trung đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số 31AA/2021/0003904, ngày 10 tháng 10 năm 2022.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã G;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**